

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 08 - 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Trân

2. Ông Phạm Hồng Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Cà N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ H, ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Văn C Nên có mặt, chị Nguyễn Thị Ngọc Y vắng mặt phiên tòa lần 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 03 năm 2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C Nên trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Cà N và chị Nguyễn Thị Ngọc Y tự tìm hiểu và quyết định sống chung, có tổ chức lễ cưới 2005, đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 150/2009 ngày 24- 08-2009

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng hay bất hòa với nhau, thường xuyên cự cãi, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, đã không còn sống

chung từ năm 2009 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông N yêu cầu được ly hôn với bà Y.

- Về nuôi con chung: Anh N và chị Y có 01 đứa con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/6/2006 đã trưởng thành, hiện tại đang sống với anh N, khi ly hôn cháu muốn sống với ai tùy theo ý nguyện của cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y có hộ khẩu thường trú tại tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. chị Y không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án không ghi được lời khai, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Y thông qua người thân theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 - 71- 72 - 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y vắng mặt phiên tòa lần 2, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C Nên với chị Nguyễn Thị Ngọc Y .

Giấy chứng nhận kết hôn số 150/2009 ngày 24- 08-2009 do UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn C Nên và chị Nguyễn Thị Ngọc Y không còn giá trị pháp lý.

-Về nuôi con chung: Anh N và chị Y có 01 đứa con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/6/2006 đã trưởng thành đề nghị không xem xét giải quyết về nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N khai trong thời gian sống chung với chị Y không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do chị Y vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có lời khai nên không xác định được giữa anh N và chị Y có tài sản chung hay nợ chung không. Do đó, đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này

nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác, theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn C Nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn C Nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Y có nơi cư trú tại: tổ H, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y1 mặt lần thứ 2, không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Y theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Y sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 150/2009 ngày 24- 08-2009 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng hay bất hòa với nhau, thường xuyên cự cãi, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, đã không còn sống chung từ năm 2009 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông N yêu cầu được ly hôn với bà Y.

Căn cứ vào lời trình bày của anh N và qua xác minh người thân của chị Y thì được biết, cuộc sống chung vợ chồng của anh N và chị Y là có mâu thuẫn, gia đình và anh N, chị Y có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, mặt khác, trong khoảng thời gian từ năm 2009 cho đến nay, chị Y không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng mà pháp luật đã quy định. điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa anh N và chị Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh N yêu cầu ly hôn với chị Y là có căn cứ chấp nhận, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn giữa anh N và chị Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 150/2009 ngày 24- 08-2009 do UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn C Nên và chị Nguyễn Thị Ngọc Y không còn giá trị pháp lý.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh N và chị Y có 01 đứa con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/6/2006 đã trưởng thành, do đó Hội đồng xét xử

không xem xét giải quyết về nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N khai trong thời gian sống chung với chị Y không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do chị Y vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có lời khai nên không xác định được giữa anh N và chị Y có tài sản chung hay nợ chung không. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác, theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. anh Nguyễn Văn Cà N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007797 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 51, Điều 56, 81,82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C Nên với chị Nguyễn Thị Ngọc Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 150/2009 ngày 24- 08-2009 do UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn C Nên và chị Nguyễn Thị Ngọc Y không còn giá trị pháp lý.

- *Về nuôi con chung:* Anh Nguyễn Văn Cà N và chị Nguyễn Thị Ngọc Y có 01 đứa con chung tên: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/6/2006 đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn C Nên phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007797 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C Nên có mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Ngọc Y vắng mặt tại phiên, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Phạm Hòa Bình

